

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST

Ngày 02-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thúc; Giám đốc Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã Buôn Hồ.

2. Bà Hoàng Thị Hồng, cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Trung Q**, sinh ngày 09/7/2000, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Th chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc P và bà Nguyễn Thị Hồng H; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/5/2001, có mặt

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị Ng (mẹ đẻ của anh T), có đơn

xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Nguyễn Trần Sỹ Đ, sinh ngày 22/6/2000, vắng mặt.

Cư trú tại: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Khắc P, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Ông Ngô Thế K, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Phi H, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Hoàng Phi H1, sinh năm 2001, sinh ngày 15/7/2001, có mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Phi H; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Hoàng Thạch Th, sinh ngày 30/3/2000; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Anh Bùi Hoàng Anh Q, sinh năm 2004; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh Kh; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 19/6/2018, Lê Trung Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78H6-2187 của gia đình từ nhà ở tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk đến nhà bạn Hoàng Thạch Th, sinh ngày 30/3/2000 ở cùng Tổ dân phố chơi và xem bóng đá World cup 2018 được phát trực tiếp trên truyền hình. Sau khi xem hết ba trận bóng đá, Q ngủ lại nhà Th, nhưng do ngủ không được, nên khoảng 03 giờ 30 phút ngày 20/6/2018 Q nói với Th là Q đi về, rồi dậy lấy xe mô tô đi về nhà mình. Khi đi ngang qua nhà anh Hoàng Phi H1 (con ông Hoàng Phi H), sinh ngày 15/7/2001 ở cùng TDP thấy cổng nhà còn mở, do biết vào buổi tối tại nhà anh H1 cũng có một số người trong xóm đến xem bóng đá, nên Q đi vào xem còn có ai thức để chơi. Q dựng xe mô tô bên

lề đường trước nhà anh H1 rồi đi vào bên hông mở cửa thấy Nguyễn Trần Sỹ Đ, sinh ngày 22/6/2000; Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/05/2001; Ngô Văn D, sinh ngày 29/01/2001 trú cùng tại Tổ dân phố là bạn Q đang nằm ngủ trên nệm tại phòng bếp, bên cạnh có 03 chiếc điện thoại di động; (một chiếc hiệu Iphone 6 plus, 64GB của T; một chiếc hiệu Iphone 6, 16GB của Đ và một chiếc hiệu Iphone 4 của Diên). Trong khi Q đang trong nhà anh H1 thì có ông Ngô Thế K, sinh năm 1959 trú cùng Tổ dân phố đi bộ tập thể dục buổi sáng, thấy chiếc xe mô tô do Q dựng ở lề đường, ông K có hỏi xe của ai để đây thì không thấy có ai trả lời, ông K sợ bị mất xe liền dắt chiếc xe về nhà mình cất giữ. Đến khoảng 06 giờ ngày 20/6/2018 ông K đến nhà ông tổ trưởng Tổ dân phố 3 báo cáo và giao chiếc xe mô tô cho Công an phường B, thị xã H xử lý theo thẩm quyền. Còn Q sau khi thấy tại nhà anh H1 mọi người đã ngủ say, Q đi về khi ra cổng không thấy xe mô tô của mình đâu nữa, lúc này khoảng 03 giờ 50 phút ngày 20/6/2018, Q nảy sinh ý định quay vào nhà H1 trộm cắp điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó Q đi vào mở cửa thấy mọi người vẫn ngủ say thì đến lấy 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 6 plus, 64GB của anh T và 01 chiếc hiệu Iphone 6, 16GB của anh Đ) rồi đem về nhà cất giấu. Đến sáng ngày 20/6/2018 Q chưa kịp tiêu thụ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện xử lý, Q đã tự nguyện giao nộp hai chiếc điện thoại trộm cắp của anh T và anh Đ cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ thu giữ gồm: Một 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, 64GB đặc điểm màu xám, IMEL 355378072189856; một 01 điện thoại di động Iphone 6, 16GB đặc điểm màu đồng, IMEL 359227060973324 và một 01 mô tô BS 78H6-2187 hiệu HAVICO, đặc điểm màu đỏ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 23/HĐĐG ngày 25/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Buôn Hồ, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, dung lượng 64GB có giá trị là 6.050.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, dung lượng 16GB có giá trị là 3.750.000 đồng. Tổng giá trị của hai chiếc điện thoại trên là 9.800.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, dung lượng 64GB đặc điểm màu xám cho anh Nguyễn Minh T; trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, dung lượng 16 GB đặc điểm màu đồng cho anh Nguyễn Trần Sỹ Đ là chủ

sở hữu nhận sử dụng; trả lại 01 chiếc xe mô biển kiểm soát 78H6-2187 cho ông Lê Khắc P là người quản lý hợp pháp nhận sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị hại đã nhận lại các tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự và xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSBH ngày 12/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Lê Trung Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Lê Trung Q đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101; các điểm h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trung Q mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại một 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, 64GB đặc điểm màu xám, IMEL 355378072189856 cho anh Nguyễn Minh T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, 16GB đặc điểm màu đồng, IMEL 359227060973324 cho anh Nguyễn Trần Sỹ Đ; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78H6-2187 cho ông Lê Khắc P là các chủ sở hữu hợp pháp nhận sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì thêm.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Buôn Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Do ý thức coi thường pháp luật và động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 03 giờ 50 phút ngày 20/6/2018 tại nhà ông Hoàng Phi H ở TDP 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, dung lượng 64GB đặc điểm màu xám của anh Nguyễn Minh T và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, dung lượng 16GB đặc điểm màu đồng của anh Nguyễn Trần Sỹ Đ. Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại trên là 9.800.000 đồng.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 03 giờ 50 phút ngày 20/6/2018 tại tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Lê Trung Q đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, dung lượng 64GB đặc điểm màu xám của anh Nguyễn Minh T và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, dung lượng 16GB đặc điểm màu đồng của anh Nguyễn Trần Sỹ Đ. Tổng trị giá của hai chiếc điện thoại trên là 9.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Trung Q đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Bị cáo là người biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, tham lam, tư lợi cá nhân nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương nên Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và được các bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi mới 17 tuổi 11 tháng 11 ngày tuổi nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để bị cáo tự học tập, cải tạo ở ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Xét mức hình phạt, về xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với các tài sản đã thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, 64GB đặc điểm màu xám, IMEL 355378072189856; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, 16GB đặc điểm màu đồng, IMEL 359227060973324 và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78H6-2187 hiệu

HAVICO, đặc điểm màu đỏ. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả các tài sản trên cho anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Trần Sỹ Đ và ông Lê Khắc P là các chủ sở hữu và quản lý hợp pháp nhận sử dụng. Xét việc giao trả là đúng đắn, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.1] Đối với hành vi của ông Lê Khắc P cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô BS 78H6-2187, bị cáo Q điều khiển đến nhà ông Hoàng Phi H và trộm cắp tài sản của anh T, anh Đ nhưng ông Lê Khắc P không biết bị cáo đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Trung Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trung Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Trung Q cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Trung Q cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Trung Q phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, 64GB đặc điểm màu xám, IMEL 355378072189856 cho anh Nguyễn Minh T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, 16GB đặc điểm màu đồng, IMEL 359227060973324 cho

anh Nguyễn Trần Sỹ Đăng; 01 chiếc xe mô tô BS 78H6-2187 cho ông Lê Khắc P là các chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp nhận sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội.

Bị cáo Lê Trung Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường B;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu HSVA, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Đức